

## ENGLISH 4

### Bài 1: Sắp xếp chữ cái tạo thành từ đúng

1. ebfe

\_\_\_\_\_



2. krop

\_\_\_\_\_



3. retwa

\_\_\_\_\_



4. nekccih

\_\_\_\_\_



5. elbtaegve

\_\_\_\_\_



6. edanmoel

\_\_\_\_\_



### Bài 2: Thêm từ để hoàn thành câu

A: What is your \_\_\_\_\_?

B: I \_\_\_\_\_ beef.

A: \_\_\_\_\_ you like vegetables?

B: Yes, \_\_\_\_\_.

A: What is your \_\_\_\_\_?

B: I \_\_\_\_\_ milk.

A: Would \_\_\_\_\_ some orange juice?

B: No, \_\_\_\_\_.

**Bài 3: Nói**

- |                                    |                             |
|------------------------------------|-----------------------------|
| ① What's your favourite food, Nam? | Ⓐ It's orange juice.        |
| ② Do you like chicken, Hoa?        | Ⓑ Yes, she does.            |
| ③ What's her favourite drink?      | Ⓒ It's chicken.             |
| ④ Would you like some tea?         | Ⓓ Yes, please.              |
| ⑤ Does your mother like beef?      | Ⓔ No, I don't. I like fish. |

**Bài 4: Sắp xếp từ tạo thành câu**

What/ your/ look/ mother/ like?/ does

.....

sister/ your/ or/ Is/ slim?/ fat

.....